

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### 1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM

<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Butylated Hydroxytoluene</b>
<b>Thành phần chính</b>	Butylated Hydroxytoluene
<b>Số CAS</b>	128-37-0
<b>Tên hóa học</b>	Butylated Hydroxytoluene
<b>Nhà cung cấp/ nhập khẩu</b>	CAMLIN FINE SCIENCES LIMITED Plot No. F/11 & F/12, Wicel, MIDC, Marol, Central Road, Opp. SEEPZ Main Gate, Andheri (East), Mumbai - 400 093, India.

### 2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ

<b>2.1. Ảnh hưởng sức khỏe cấp tính</b>	N/R
<b>2.2. Ảnh hưởng sức khỏe mãn tính</b>	Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể khiến da và mắt bị dị ứng. Có thể gây kích thích đường hô hấp và đường tiêu hóa. Có thể gây ảnh hưởng đến thai nhi. Có thể gây ung thư dựa trên các nghiên cứu trên động vật.
<b>2.3. Đường tiếp xúc chính</b>	Tiếp xúc với da, hít phải, nuốt phải, tiếp xúc với mắt.
<b>2.4. Ảnh hưởng sức khỏe có thể xảy ra</b>	
Mắt	Tiếp xúc với mắt kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nhiều lần có thể gây kích ứng.
Da	Tiếp xúc với da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nhiều lần có thể gây kích ứng
Hít phải	Có thể gây kích ứng đường hô hấp
Nuốt phải	Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa và buồn nôn hoặc tiêu chảy. Có thể có hại nếu nuốt phải.

### 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

<b>3.1. Hình thức vật lý</b>	Chất rắn dạng tinh thể
<b>3.2. Màu sắc</b>	Màu trắng
<b>3.3. Công dụng</b>	Chất chống oxy hóa
<b>3.4. Thành phần</b>	

Tên hóa học	Số CAS	Hàm lượng %
Butylated Hydroxytoluene	128-37-0	100

### 4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

<b>4.1. Tiếp xúc mắt</b>	Ngay lập tức rửa mắt với nước sạch trong vòng 15 phút với mí mắt mở. Sau đó gặp bác sĩ.
<b>4.2. Tiếp xúc da</b>	Loại bỏ quần áo và giày dép bị dính phải. Xả ngay bằng xà phòng với nước ít nhất 15 phút. Giặt sạch quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Nếu bị kích ứng kéo dài cần đến gặp bác sĩ.
<b>4.3. Tiếp xúc theo đường hô hấp</b>	Di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu vẫn còn triệu chứng, liên hệ ngay với bác sĩ.
<b>4.4. Tiếp xúc theo đường tiêu hóa</b>	Nếu còn tỉnh táo, uống 1 -2 cốc sữa hoặc nước. Không bao giờ cho một người đã bất tỉnh ăn hoặc uống thứ gì. Cần cấp cứu ngay.
<b>4.5. Lưu ý cho bác sĩ</b>	Điều trị theo triệu chứng.

## 5. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

5.1. Tính dễ cháy	Không
5.2. Tự đánh lửa	470°C (878°F)
5.3. Điểm chớp cháy	Cốc kín : 118,3°C (244,9° F) , CỐC MỎ : 126,67°C (260°F)
5.4. Nguy cơ cháy nổ	Không có
5.6. Phương tiện chữa cháy	Sử dụng phương tiện thích hợp nhất để dập tắt đám cháy.
5.7. Hướng dẫn chữa cháy	Đeo thiết bị thở khép kín.
5.8. Cháy nổ bất thường	Không có thông tin nguy hiểm.

## 6. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TAI NẠN

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp như được nêu trong phần 8
6.2. Biện pháp phòng ngừa thuộc về môi trường	Tránh để hóa chất chảy vào cống và rãnh thoát nước.
6.3. Biện pháp phòng ngừa khi rò rỉ	Giảm bụi trong không khí và ngăn ngừa sự phân tán bằng cách làm ẩm bằng nước. Dọn sạch vết tràn ngay lập tức, tuân thủ các biện pháp phòng ngừa trong Phần Thiết bị Bảo hộ. Quét sạch, sau đó đặt vào một thùng chứa phù hợp để xử lý. Tránh tạo ra các điều kiện bụi bặm.

## 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

7.1. Xử lý	Rửa kỹ sau khi xử lý. Rửa tay trước khi ăn. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại. Sử dụng với hệ thống thông gió đầy đủ. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh nuốt phải và hít phải.
7.2. Bảo quản	Bảo quản ở nơi thoáng mát trong bao bì gốc và tránh ánh nắng mặt trời. Giữ bình chứa đóng lại khi không sử dụng. Lưu trữ trong bao bì kín.

## 8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1. Kiểm soát kỹ thuật	Sử dụng thông gió đầy đủ để duy trì nồng độ trong không khí thấp.
8.2. Thiết bị bảo vệ cá nhân để xử lý thông thường	
Bảo vệ hô hấp	Bảo vệ hô hấp thường không cần thiết vì độ bay hơi và độc tính thấp. Nên sử dụng mặt nạ phòng độc thích hợp hoặc tương đương.
Bảo vệ mắt/ mặt	Đeo kính bảo vệ thích hợp hoặc kính bảo hộ chống hóa chất như được mô tả trong các quy định về bảo vệ mắt và mặt của OSHA trong 29 CFR 1910.133 hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu EN166.
Bảo vệ da	Đeo găng tay bảo vệ thích hợp để tránh tiếp xúc với da
Yêu cầu về quần áo	Mặc quần áo bảo hộ thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc với da
Bảo vệ chung	Rửa kỹ các vị trí tiếp xúc với xà phòng và nước.

## 9. CÁC ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

9.1. Trạng thái vật lý	Tinh thể màu trắng
9.2. Mùi	Có mùi đặc trưng
9.3. Điểm sôi	265°C (509°F)
9.4. Điểm đóng băng/ nóng chảy	70°C (158°F)
9.5. Độ hòa tan	Không tan trong nước
9.6. Công thức phân tử	C <sub>15</sub> H <sub>24</sub> O

Thông tin trên không nhằm mục đích sử dụng trong việc chuẩn bị các thông số kỹ thuật của sản phẩm.

## 10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

- |                                       |   |
|---------------------------------------|---|
| 10.1. Tính ổn định                    | Ổn định trong điều kiện bình thường.                                  |
| 10.2. Các vật liệu không tương thích  | Các chất oxy hóa mạnh.  |
| 10.3. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm | Carbon monoxide, khói và khí gây khó chịu và độc hại, carbon dioxide. |

## 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- |  |  |
|--|--|
| 11.1. Ảnh hưởng sức khỏe có thể xảy ra | Tham khảo Mục 2.4  |
| 11.2. Ảnh hưởng gây ung thư            | Không được liệt kê là chất gây ung thư bởi IARC, NTP, OSHA hoặc ACGIH                |
| 11.3. Kích ứng và ăn mòn               | Có thể gây kích ứng da và mắt khi tiếp xúc kéo dài. Không có bằng chứng về sự ăn mòn |

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

- |                                   |                |
|-----------------------------------|----------------|
| 12.1. Tiềm năng tích lũy sinh học | Không xác định |
| 12.2. Độc tính với nước           | Không xác định |

## 13. CÁC CÂN NHẮC VIỆC THẢI BỎ

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| 13.1. Phương pháp thải bỏ | Vứt bỏ theo luật và quy định hiện hành của địa phương hoặc các luật và quy định khác. |
|---------------------------|---|

## 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- |                               |                                      |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| 14.1. Thông tin vận chuyển    | Không được đánh giá                  |
| 14.2. Vận tải đường biển IMDG | Không chịu mã IMDG                   |
| 14.1. Vận tải hàng không ICAO | Không tuân thủ các quy định của ICAO |

## 15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

- |                    |  |
|--------------------|--|
| 15.1. Luật áp dụng | Các điều khoản của Quy định về xử lý an toàn hóa chất tại nơi làm việc, đặc biệt là những điều khoản liên quan đến việc sử dụng, sản xuất, lưu trữ và vận chuyển an toàn các hóa chất. |
|--------------------|--|

## 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin này được cung cấp dựa trên sự hiểu biết hiện tại của chúng tôi nhằm mô tả sản phẩm chứ không phải thông số kỹ thuật của sản phẩm. Các quy trình xử lý an toàn và vệ sinh công nghiệp được đề xuất được cho là có thể áp dụng chung. Tuy nhiên, mỗi người dùng nên xem xét các đề xuất này trong bối cảnh cụ thể của mục đích sử dụng và xác định xem chúng có phù hợp hay không.